IN THE _____ JUDICIAL CIRCUIT COURT, _____, MISSOURI

Adult Abuse/Stalking Petition for Order of Protection

TẠI TÒA LƯU ĐỘNG _____ , _____, MISSOURI

Đơn Xin Lệnh Bảo Vệ về Ngược Đãi Người Lớn/Lén Theo Dõi

Notice to Petitioner: Respondent will receive a copy of this petition with service.
Thông báo cho Nguyên Đơn: Bị đơn sẽ nhận được một bản sao của đơn này cùng với trát tống đạt.

Judge or Division: *Thẩm Phán hoặc Phân Ban:*	**Case Number:** ***Số Hồ Sơ:***	
	Court ORI Number: *Số ORI Tòa Án:*	
Petitioner: *Nguyên đơn:*	MSHP Number: *Số MSHP:*	
	Responsible Law Enforcement ORI: *ORI Thực Thi Pháp Luật Hữu Trách:*	
vs. ***kiện***	Related Cases: *Các Vụ Kiện Liên Quan:*	(Date File Stamp) *(Ngày, Lưu, Con Dấu)*

Respondent: *Bị đơn:* Alias/Nicknames: *Biệt danh:*	Respondent's Home Address: *Địa Chỉ Nhà của Bị Đơn:* Home Phone Number: *Số Điện Thoại Nhà:*
Respondent's DOB: *Ngày Sinh của Bị Đơn:* Age: *Tuổi:* SSN (if known, last four digits): *SSN (nếu biết, bốn chữ số cuối):* Race: Sex: ☐ F ☐ M *Chủng tộc:* *Giới tính:* ☐ *Nữ* ☐ *Nam* Hair Color: Height: *Màu Tóc:* *Chiều cao:* Eye Color: Weight: *Màu Mắt:* *Cân nặng:* (Identifying information for use by Law Enforcement) *(Thông tin nhận dạng để Cơ Quan Thực Thi Pháp Luật sử dụng)* Visible Identifying Marks (e.g. tattoos, birthmarks, braces, mustache, beard, pierced ear, glasses): *Dấu Vết Nhận Dạng Nhìn Thấy Được (ví dụ hình xăm, bớt, dụng cụ nẹp, ria, râu, xuyên tai, kính mắt):*	Respondent's Work Address: *Địa Chỉ Nơi Làm Việc của Bị Đơn:* Work Phone Number: *Số Điện Thoại Nơi Làm Việc:* Work Hours: *Giờ Làm Việc:* Other Locations Where Respondent May Be Served: *Những Địa Điểm Khác Có Thể Tống Đạt Cho Bị Đơn:* Petitioner's Relationship to Respondent pursuant to 18 U.S.C. §§ 921(a)(32) and 922(g)(8) determination: *Quan Hệ của Nguyên Đơn với Bị Đơn theo xác định 18 U.S.C. §§ 921(a)(32) và 922(g)(8):* ☐ Spouse ☐ Child(ren) in common ☐ *Vợ/chồng* ☐ *(Các) con chung* ☐ Former spouse ☐ Intimate residing/resided together ☐ *Vợ/chồng cũ* ☐ *Bạn sống chung* ☐ Are/were in a continuing social relationship of a romantic/intimate nature ☐ *Có/đã quan hệ xã hội tiếp diễn mang bản chất tình cảm/gần gũi* ☐ Related by blood. Define relationship: _____ ☐ *Có quan hệ huyết thống. Định nghĩa quan hệ:* _____ ☐ Related by marriage. Define relationship: _____ ☐ *Có quan hệ hôn nhân. Định nghĩa quan hệ:* _____ ☐ Residing/resided together; no intimacy ☐ *Sống/đã sống chung; không gần gũi* ☐ Stalking. Define relationship: _____ ☐ *Lén theo dõi. Định nghĩa quan hệ:* _____

I. PETITIONER INFORMATION
THÔNG TIN VỀ NGUYÊN ĐƠN

1. I am Petitioner and ☐ at least 17 years of age ☐ under 17 but emancipated
   Tôi là Nguyên Đơn và ☐ *được ít nhất 17 tuổi* ☐ *dưới 17 tuổi nhưng đã được công nhận quyền tự do*
2. I reside in _____ (city), _____ (state), in the County of _____.
   Tôi cư ngụ tại _____ *(thành phố),* _____ *(tiểu bang), tại Quận* _____.

II. THÔNG TIN VỀ BỊ ĐƠN
THÔNG TIN VỀ BỊ ĐƠN

3. Respondent is ☐ at least 17 years of age or emancipated ☐ under 17
   Bị đơn ☐ *được ít nhất 17 tuổi hoặc được công nhận quyền tự do* ☐ *dưới 17 tuổi*
4. Respondent may be found in _____ (city), _____ (state), in the County of _____.
   Có thể tìm bị đơn ở _____ *(thành phố),* _____ *(tiểu bang), tại Quận* _____.

III. LOCATION WHERE DOMESTIC VIOLENCE OR STALKING OCCURRED
ĐỊA ĐIỂM XẢY RA BẠO HÀNH GIA ĐÌNH HOẶC LÉN THEO DÕI

5. An act of domestic violence or stalking occurred at _____ (address), _____ (city), _____ (state), in the County of _____.
   Hành vi bạo hành gia đình hoặc lén theo dõi đã xảy ra tại _____ *(địa chỉ),* _____ *(thành phố),* _____ *(tiểu bang), tại Quận* _____.

IV. COMPLETE FOR DOMESTIC VIOLENCE PETITION ONLY
CHỈ ĐIỀN ĐỐI VỚI ĐƠN KIỆN VỀ BẠO HÀNH GIA ĐÌNH

Relationship with Respondent
Quan Hệ với Bị Đơn

6. Respondent and I: (check one or more)
Bị đơn và tôi: (chọn một hoặc nhiều)
- ☐ reside together.
- ☐ *sống cùng nhau.*
- ☐ previously resided together at _____ (address), _____ (city), _____ (state), in the County of _____.
- ☐ *trước đây sống cùng nhau tại* _____ *(địa chỉ),* _____ *(thành phố),* _____ *(tiểu bang), tại Quận* _____.
- ☐ never resided together.
- ☐ *chưa bao giờ sống cùng nhau*

Residency
Nơi cư trú

7. The residence in which I live is: (check one or more)
Nơi cư trú của tôi là: (chọn một hoặc nhiều)
- ☐ jointly owned, leased or rented or jointly occupied by Respondent and me.
- ☐ *do Bị Đơn và tôi đồng sở hữu, thuê hoặc mướn hoặc cùng sử dụng.*
- ☐ owned, leased, rented or occupied by me.
- ☐ *do tôi sở hữu, thuê, mướn hoặc sử dụng.*
- ☐ jointly owned, leased, rented or occupied by me and someone other than Respondent.
- ☐ *do tôi và một người không phải bị đơn đồng sở hữu, thuê, mướn hoặc sử dụng.*
- ☐ owned, leased, rented or occupied by someone else, and Respondent is my spouse.
- ☐ *do một người khác, sở hữu, thuê, mướn hoặc sử dụng, và Bị Đơn là vợ/chồng của tôi.*
- ☐ jointly occupied by me and another person, and Respondent has no property interest therein.
- ☐ *do tôi và một người khác cùng sử dụng, và Bị Đơn không có quyền sở hữu tài sản nào trong đó.*

Custody
Quyền chăm sóc

List only the children that the Petitioner and Respondent have in common. The court cannot change custody if a prior order regarding custody is pending or has been made.
Chỉ liệt kê các con chung của Nguyên Đơn và Bị Đơn. Tòa không thể thay đổi quyền chăm sóc nếu có một lệnh trước đó về quyền chăm sóc đang chờ hoặc đã được ban hành.

8. It is in the best interest of the minor children that custody be awarded as follows:
Vì lợi ích cao nhất của trẻ vị thành niên, quyền chăm sóc được trao như sau:

	Child's Name *Tên của Trẻ*	SSN (last 4 digits only) *SSN (chỉ lấy 4 chữ số cuối)*	Age *Độ tuổi*	Address (If other than Petitioner) *Địa chỉ (Nếu khác với Nguyên Đơn)*
1.				
2.				
3.				
4.				
5.				

	Who did each Child reside with during last six months *Mỗi Trẻ sống với ai trong sáu tháng vừa qua*	Persons to Receive Custody *Những Người Sẽ Nhận Quyền chăm sóc*	Custody (check one or both) *Quyền chăm sóc (chọn một hoặc cả hai)* Temporary *Tạm thời*	Full *Hoàn chỉnh*
1.			☐	☐
2.			☐	☐
3.			☐	☐
4.			☐	☐
5.			☐	☐

(If necessary, attach additional sheets.)
(Nếu cần, đính kèm các tờ bổ sung.)

V. COMPLETE FOR STALKING PETITION ONLY
CHỈ ĐIỀN ĐỐI VỚI ĐƠN KIỆN VỀ LÉN THEO DÕI

9. Respondent is stalking me. Explain relationship (example: co-workers, neighbors, etc.)
Bị đơn lén theo dõi tôi. Giải thích mối quan hệ (ví dụ: đồng nghiệp, hàng xóm, v.v.)

_____

_____

VI. COMPLETE FOR ALL CASES
ĐIỀN ĐỐI VỚI TẤT CẢ VỤ KIỆN

10. Indicate any prior or pending custody court cases before, or orders entered by, this court or any other court involving the following parties. Indicate the case numbers.
(If none, so state):
Cho biết bất kỳ vụ kiện nào trước đó hoặc đang chờ liên quan đến quyền chăm sóc, hoặc lệnh đã ban hành bởi tòa này hoặc bất kỳ tòa án nào liên quan đến các bên sau đây. Cho biết số hồ sơ.
(Nếu không có, cho biết như thế):

a. Petitioner _____
Nguyên đơn
_____

b. Respondent _____
Bị đơn _____

c. Children (identified in item 9) _____
Các con (được xác định ở mục 9)
_____

Domestic Violence/Stalking Acts Committed by Respondent:
Hành Vi Bạo Hành Gia Đình/Lén Theo Dõi của Bị Đơn:

11. Respondent has knowingly and intentionally: (check at least one)
Bị đơn đã cố tình hoặc có chủ ý: (chọn ít nhất một)

- ☐ caused or attempted to cause me physical harm
  ☐ *gây ra hoặc cố tình gây ra tổn hại thân thể cho tôi*
- ☐ placed or attempted to place me in apprehension of immediate physical harm
  ☐ *khiến cho tôi hoặc tìm cách khiến cho tôi lo sợ bị tổn hại thân thể trước mắt*
- ☐ coerced me
  ☐ *cưỡng ép tôi*
- ☐ stalked me
  ☐ *lén theo dõi tôi*
- ☐ harassed me
  ☐ *quấy rối tôi*
- ☐ sexually assaulted me
  ☐ *xâm hại tình dục đối với tôi*
- ☐ unlawfully imprisoned me
  ☐ *giam giữ tôi trái pháp luật*
- ☐ followed me from place to place
  ☐ *theo dõi tôi hết nơi này đến nơi khác*
- ☐ threatened to do any of the above
  ☐ *đe dọa thực hiện bất kỳ hành vi nào bên trên*

by the following act(s): (Include the most recent date(s) of each act described.)
bằng (các) hành vi sau đây: (Bao gồm (những) ngày gần đây nhất xảy ra mỗi hành vi đã mô tả.)

_____

_____

_____

12. I am afraid of Respondent and there is an immediate and present danger of domestic violence to me or my child(ren) or other good cause for an emergency temporary order of protection because: (describe)

Tôi sợ Bị Đơn và có một mối nguy hiểm trước mắt và hiện tại về bạo hành gia đình đối với tôi hoặc (các) con tôi hoặc lý do chính đáng khác để xin lệnh bảo vệ tạm thời khẩn cấp vì: (mô tả)

_____

_____

_____

13. ☐ Photographs/Exhibits are filed as evidence of my injuries.
☐ *Hình chụp/Cứ liệu được nộp làm bằng chứng về những thương tổn của tôi.*

VII. PETITIONER'S REQUESTS
YÊU CẦU CỦA NGUYÊN ĐƠN

14. ☐ Order Petitioner's residential address on voter's registration record to be closed to the public.
☐ *Lệnh không tiết lộ địa chỉ cư trú của Nguyên Đơn trên hồ sơ đăng ký cử tri.*

15. Pursuant to section 455.010 to section 455.085 RSMo, it is requested that the court issue an Ex Parte Order of Protection restraining Respondent from: (check all that apply)
Căn cứ mục 455.010 đến mục 455.085 RSMo, tòa được yêu cầu ban hành Lệnh Bảo Vệ Một Bên hạn chế Bị Đơn trong việc: (chọn tất cả các trường hợp thích hợp)

☐ committing or threatening to commit domestic violence, molesting or disturbing the peace of Petitioner wherever Petitioner may be found.
☐ *thực hiện hoặc đe dọa thực hiện hành vi bạo hành gia đình, xâm hại hoặc gây rối đối với Nguyên Đơn ở bất kỳ nơi đâu có mặt Nguyên Đơn.*
☐ stalking Petitioner.
☐ *lén theo dõi Nguyên Đơn.*
☐ entering the dwelling of Petitioner located at (see notice below) _____
_____
☐ *xâm nhập nơi cư trú của Nguyên Đơn tại (xem thông báo bên dưới)* _____
_____
☐ entering the premises of the Petitioner's school, located at _____
☐ *xâm nhập trường học của Nguyên Đơn, tại* _____
☐ entering onto the premises of the Petitioner's place of employment, located at _____
☐ *xâm nhập nơi làm việc của Nguyên Đơn, tại* _____
☐ come within _____ (feet) of the Petitioner.
☐ *đến gần Nguyên Đơn* _____ *(bộ).*
☐ come within _____ (feet of the Petitioner's child(ren)).
☐ *đến gần (các) con của Nguyên Đơn* _____ *(bộ).*
☐ communicating with Petitioner in any manner or through any medium.
☐ *liên lạc với Nguyên Đơn dưới bất kỳ hình thức nào hoặc thông qua bất kỳ phương tiện nào.*
☐ other:_____
_____
☐ *khác:*_____
_____

Additional Requests:
Các Yêu Cầu Bổ Sung:

It is further requested that, upon the hearing of this cause, the court also issue a Full Order of Protection enjoining Respondent from the above acts for such time as is necessary to protect Petitioner and that the court: (one or more may be selected)
Có yêu cầu thêm là, sau khi xét xử nguyên nhân kiện này, tòa cũng ban hành Lệnh Bảo Vệ Hoàn Chỉnh cấm Bị Đơn có các hành vi bên trên trong thời gian cần thiết để bảo vệ Nguyên Đơn và tòa: (có thể chọn một hoặc nhiều)

Custody
Quyền chăm sóc

16. ☐ Award custody of the minor child(ren) to ☐ Petitioner ☐ Respondent.
☐ *Trao quyền chăm sóc (các) con vị thành niên cho* ☐ *Nguyên Đơn* ☐ *Bị Đơn.*

17. ☐ Order visitation with the minor child(ren) to ☐ Petitioner ☐ Respondent as follows:
_____
_____
☐ *Trao quyền thăm nuôi (các) con vị thành niên cho* ☐ *Nguyên Đơn* ☐ *Bị Đơn như sau:*
_____
_____

Child Support/Maintenance
Tiền Cấp Dưỡng/Chu Cấp Nuôi Con

18. ☐ Order ☐ Petitioner ☐ Respondent to pay child support to ☐ Petitioner ☐ Respondent in the amount of $ _____ (check one) ☐ per week ☐ per month.
☐ *Ra lệnh cho* ☐ *Nguyên Đơn* ☐ *Bị Đơn trả tiền chu cấp nuôi con cho* ☐ *Nguyên Đơn* ☐ *Bị Đơn với số tiền $* _____ *(chọn một)* ☐ *mỗi tuần* ☐ *mỗi tháng.*

19. ☐ Order ☐ Petitioner ☐ Respondent to pay maintenance to ☐ Petitioner ☐ Respondent in the amount of $ _____ (check one) ☐ per week ☐ per month.
☐ *Ra lệnh cho* ☐ *Nguyên Đơn* ☐ *Bị Đơn trả tiền cấp dưỡng cho* ☐ *Nguyên Đơn* ☐ *Bị Đơn với số tiền $* _____ *(chọn một)* ☐ *mỗi tuần* ☐ *mỗi tháng.*

Other Support
Chu Cấp Khác

20. ☐ Order that Respondent make or continue to make the rent or mortgage payments in the amount of $ _____ (check one) ☐ per week ☐ per month on the residence occupied by Petitioner.
    ☐ *Ra lệnh cho Bị Đơn thanh toán hoặc tiếp tục thanh toán tiền thuê nhà hoặc thế chấp với số tiền $ _____ (chọn một) ☐ mỗi tuần ☐ mỗi tháng đối với nơ cư trú do Nguyên Đơn sử dụng.*
21. ☐ Order that Respondent pay Petitioner's rent at a residence, other than the residence previously shared with Respondent, in the amount of $ _____ (check one) ☐ per week ☐ per month.
    ☐ *Ra lệnh cho Bị Đơn trả tiền thuê nhà cho Nguyên Đơn tại nơi cư trú, không phải nơi cư trú trước đây sử dụng chung với Bị Đơn, với số tiền $ _____ (chọn một) ☐ mỗi tuần ☐ mỗi tháng.*
22. ☐ Order Respondent to pay a reasonable fee for housing and other services provided to Petitioner by a shelter for victims of domestic violence.
    ☐ *Ra lệnh cho Bị Đơn trả một khoản phí hợp lý đối với nhà ở và các dịch vụ khác được một cơ sở tạm trú dành cho nạn nhân bạo hành gia đình cung cấp cho Nguyên Đơn.*
23. ☐ Order Respondent to pay the cost of medical treatment or services provided to Petitioner as a result of injuries sustained by an act of domestic violence committed by Respondent.
    ☐ *Ra lệnh cho Bị Đơn thanh toán chi phí điều trị y tế hoặc các dịch vụ được cung cấp cho Nguyên Đơn do có những thương tật gây ra bởi hành vi bạo hành gia đình của Bị Đơn.*

Personal Property
Tài Sản Cá Nhân

24. ☐ Order that Petitioner be given temporary possession of the following personal property:
    _____
    _____
    ☐ *Ra lệnh cho Nguyên Đơn tạm thời được quyền sở hữu tài sản cá nhân sau đây:*
    _____
    _____
25. ☐ Prohibit Respondent from transferring, encumbering, or otherwise disposing of the following property mutually owned or leased with Petitioner:
    _____
    _____
    ☐ *Cấm Bị Đơn chuyển nhượng, cản trở, hoặc thanh lý khác đối với tài sản sau đây thuộc sở hữu hoặc thuê chung với Nguyên Đơn:*
    _____
    _____

Counseling/Treatment
Tư Vấn/Điều Trị

26. ☐ Order Respondent to participate in a court-approved counseling program designed for ☐ batterers and/or ☐ substance abuse.
    ☐ *Ra lệnh cho Nguyên Đơn tham gia một chương trình tư vấn do tòa duyệt được thiết kế dành cho ☐ những thủ phạm hành hung và/hoặc ☐ lạm dụng dược chất.*

Costs/Fees
Chi Phí/Lệ Phí

27. ☐ Order Respondent to pay court costs.
    ☐ *Ra lệnh cho Bị Đơn nộp án phí.*
28. ☐ Order Respondent to pay Petitioner's attorneys fees.
    ☐ *Ra lệnh cho Bị Đơn thanh toán phí luật sư của Nguyên Đơn.*

Other Orders
Các Lệnh Khác

29. ☐ Order the full order of protection issued for one year be automatically renewed unless Respondent requests a hearing by 30 days prior to the expiration of the order.
    ☐ *Ra lệnh ban hành lệnh bảo vệ hoàn chỉnh trong một năm được tự động gia hạn trừ phi Bị Đơn yêu cầu xét xử 30 ngày trước khi lệnh hết hiệu lực.*
30. ☐ Other (specify): _____
    _____
    ☐ *Khác (nêu rõ):* _____
    _____

VIII. PETITIONER'S SIGNATURE
CHỮ KÝ CỦA NGUYÊN ĐƠN

I swear/affirm under penalty of perjury that these facts are true according to my best knowledge and belief. **I understand that a copy of this petition will be served on the respondent.**

Tôi tuyên thệ/xác nhận, và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu khai man, rằng những thông tin này là đúng sự thực theo sự hiểu biết và niềm tin chính xác nhất của tôi. ***Tôi hiểu rằng một bản sao của đơn kiện này sẽ được gửi cho bị đơn.***

_____
Date
Ngày

_____
Petitioner's Signature
Chữ Ký của Nguyên Đơn

_____
Address (Optional)
Địa Chỉ (Không Bắt Buộc)

_____
City, State and Zip
Thành Phố, Tiểu Bang và Mã Zip

_____
Telephone
Điện thoại

NOTICE: Section 455.030.3 RSMo provides that a Petitioner seeking protection under the Domestic Violence Act is not required to reveal any current address or place of residence on this motion. **Do not provide this information if doing so will endanger you.**

LƯU Ý: *Mục 455.030.3 RSMo quy định rằng Nguyên Đơn tìm kiếm sự bảo vệ theo Đạo Luật về Bạo Hành Gia Đình (Domestic Violence Act) không buộc phải tiết lộ địa chỉ hoặc nơi cư trú hiện tại trên đơn này.* ***Đừng cung cấp thông tin này nếu làm như thế sẽ gây nguy hiểm cho quý vị.***

_____
Attorney's Name, Missouri Bar No., if Applicable
Tên Luật Sư, Số Luật Sư Đoàn Missouri, nếu Phù Hợp

_____
Address
Địa chỉ

_____
City, State and Zip
Thành Phố, Tiểu Bang và Mã Zip

_____
Telephone
Điện thoại